

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**BẢN THUYẾT MINH QUY PHẠM HÓA CHÍNH SÁCH
CỦA DỰ ÁN LUẬT QUẢN LÝ, PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

TÊN CHÍNH SÁCH	NỘI DUNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐƯỢC LỰA CHỌN	DỰ KIẾN QUY PHẠM HÓA NỘI DUNG GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐƯỢC LỰA CHỌN TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN
Chính sách 1: Hoàn thiện công cụ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng	Giải pháp được lựa chọn: Giải pháp 3 - Hoàn thiện các quy định để thể chế hóa thành Luật, bảo đảm tính ổn định, tập trung, thống nhất và không chồng chéo với pháp luật có liên quan. <i>Nội dung, giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn:</i> - Xác lập rõ vị trí, chức năng và mối quan hệ giữa Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng, nội dung phát triển vật liệu xây dựng trong hệ thống quy hoạch và Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng của địa phương. - Quy định Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng của địa phương là công cụ cụ thể hóa Chiến lược và tổ chức thực hiện chính sách trên địa bàn;	Dự kiến quy phạm hóa tại Chương về Chiến lược, quy hoạch và Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng; đồng thời liên kết với các quy định về dữ liệu và quản lý nhà nước. <i>Nội dung quy phạm hóa chủ yếu:</i> - Quy định nguyên tắc, thẩm quyền phê duyệt, trách nhiệm tổ chức lập, theo dõi, đánh giá và điều chỉnh Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng; giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung, hồ sơ, trình tự và tổ chức thực hiện. - Quy định nội dung, nguyên tắc lập và tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng của địa phương; xác định rõ Kế hoạch không phải là quy hoạch và không được sử dụng để hạn chế quyền đầu tư, kinh doanh hợp pháp.

	không phải là quy hoạch, không ấn định công suất, sản lượng, số lượng cơ sở sản xuất, không xác định nhà đầu tư và không được sử dụng làm điều kiện thực hiện thủ tục đầu tư. - Quy định yêu cầu chuyên ngành đối với quy hoạch phát triển một số vật liệu xây dựng chủ yếu theo pháp luật về quy hoạch, bảo đảm gắn với vùng nguyên liệu, kết cấu hạ tầng, logistics, năng lượng, môi trường và thị trường. - Hoàn thiện cơ chế theo dõi, đánh giá, rà soát và điều chỉnh Chiến lược, Kế hoạch trên cơ sở dữ liệu; bảo đảm các công cụ này có chức năng định hướng và tổ chức thực hiện, không trở thành cơ chế ấn định công suất, sản lượng hoặc điều kiện chấp thuận đầu tư.	- Quy định yêu cầu chuyên ngành đối với quy hoạch phát triển một số vật liệu xây dựng chủ yếu; việc bổ sung, lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch thực hiện theo pháp luật về quy hoạch. - Quy định nguyên tắc theo dõi, đánh giá, rà soát, cập nhật công cụ chiến lược và kế hoạch trên cơ sở dữ liệu, bảo đảm phản ứng kịp thời trước biến động về thị trường, công nghệ, năng lượng, nguồn nguyên liệu và yêu cầu giảm phát thải.
Chính sách 2: Hoàn thiện chính sách phát triển vật liệu xây dựng theo hướng đổi mới công nghệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên - năng lượng, bảo đảm chất lượng và thúc đẩy phát triển vật liệu xây dựng mới, vật liệu xanh	Giải pháp được lựa chọn: Giải pháp 3 - Hoàn thiện các quy định để thể chế hóa thành Luật, tập trung vào các yêu cầu phát triển đặc thù của ngành và kết nối với các cơ chế hỗ trợ đã có trong pháp luật chuyên ngành. <i>Nội dung, giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn:</i> - Xác lập khung pháp lý đối với sản phẩm vật liệu xây dựng, vật liệu xây dựng mới và nhóm vật liệu ưu tiên phát triển; tiêu chí nhận diện phải có thể đo lường, kiểm chứng và được cập nhật theo tiến bộ công nghệ.	Dự kiến quy phạm hóa tại Chương về phát triển, sản xuất vật liệu xây dựng; đồng thời tại các điều về chính sách của Nhà nước, vật liệu xây dựng mới, vật liệu ưu tiên, khoa học - công nghệ, chất lượng và phát triển thị trường. <i>Nội dung quy phạm hóa chủ yếu:</i> - Quy định khái niệm/nhóm vật liệu xây dựng mới và nhóm vật liệu ưu tiên; giao Chính phủ quy định, cập nhật tiêu chí nhận diện trên cơ sở các chỉ số kỹ thuật, tài nguyên, năng lượng và môi trường có thể đo lường, kiểm chứng.

	- Luật hóa các yêu cầu phát triển chuyên ngành đối với sản xuất vật liệu xây dựng theo hướng hiện đại hóa, tự động hóa, số hóa, sử dụng hiệu quả nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng, giảm mức tiêu hao và bảo đảm chất lượng; nghĩa vụ, thủ tục cụ thể thực hiện theo pháp luật chuyên ngành. - Thiết lập cơ chế chuyên ngành thúc đẩy chuỗi nghiên cứu - chế tạo mẫu - sản xuất thử - thử nghiệm, đánh giá tính năng - tiêu chuẩn hóa - sở hữu trí tuệ - chuyển giao công nghệ - trình diễn - thương mại hóa vật liệu xây dựng mới, vật liệu xây dựng xanh. - Xác lập nguyên tắc đầu tư dự án vật liệu xây dựng theo pháp luật về đầu tư và khuyến khích đầu tư chiều sâu, cải tạo, đổi mới công nghệ; không hình thành giấy phép, xác nhận công suất hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh chuyên ngành mới. - Kết nối nhóm vật liệu, công nghệ ưu tiên với cơ chế hỗ trợ hiện hành về đầu tư, thuế, tín dụng, đất đai, khoa học - công nghệ và môi trường; không thành lập quỹ, thủ tục xác nhận ưu đãi hoặc cơ chế ưu đãi riêng trùng lặp. - Phát triển thị trường vật liệu xanh, nâng cao năng lực hội nhập thông qua hài hòa tiêu chuẩn, quy chuẩn, truy xuất nguồn gốc và thông tin chất lượng, môi trường; biện pháp kỹ thuật và phòng	- Quy định nguyên tắc, yêu cầu phát triển sản xuất theo hướng đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu suất sử dụng tài nguyên - năng lượng, giảm mức tiêu hao, bảo đảm chất lượng; dẫn chiếu thủ tục, nghĩa vụ môi trường, năng lượng, đầu tư và chất lượng sang pháp luật tương ứng. - Quy định cơ chế thúc đẩy nghiên cứu, sản xuất thử, thử nghiệm, tiêu chuẩn hóa, chuyển giao và thương mại hóa vật liệu xây dựng mới, vật liệu xanh; mức hỗ trợ và điều kiện hưởng hỗ trợ thực hiện theo pháp luật chuyên ngành. - Quy định nguyên tắc đầu tư, cải tạo, đổi mới công nghệ và phát triển thị trường vật liệu xây dựng; không quy định lại thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường hoặc cơ chế ưu đãi đã có. - Quy định nguyên tắc cung cấp, công khai và sử dụng thông tin về chất lượng, nguồn gốc, đặc tính môi trường của sản phẩm để hỗ trợ thị trường và hội nhập; tuân thủ pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và điều ước quốc tế.
--	--	---

	vệ thương mại thực hiện theo pháp luật chuyên ngành và điều ước quốc tế có liên quan.	
Chính sách 3: Hoàn thiện cơ chế quản lý chế biến, sử dụng nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng theo cơ chế thị trường, tiết kiệm và hiệu quả; bảo đảm an ninh nguồn cung, điều phối cung - cầu vật liệu xây dựng thông thường	Giải pháp được lựa chọn: Giải pháp 3 - Hoàn thiện các quy định để thể chế hóa thành Luật, phân định rõ với pháp luật về địa chất và khoáng sản, đồng thời bổ sung cơ chế bảo đảm nguồn cung đối với vật liệu xây dựng thông thường. Nội dung, giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn: - Phân định phạm vi điều chỉnh: pháp luật về địa chất và khoáng sản tiếp tục điều chỉnh điều tra, quy hoạch, thăm dò, khai thác, thu hồi và quyền khai thác; Luật Quản lý, phát triển vật liệu xây dựng tập trung vào chế biến, lựa chọn, sử dụng và thị trường nguyên liệu sau khi nguồn nguyên liệu được hình thành hợp pháp. - Bảo đảm quyền của tổ chức, cá nhân được lựa chọn, mua bán, nhập khẩu, tiếp nhận gia công và sử dụng khoáng sản, sản phẩm khoáng sản, nguyên liệu thay thế có nguồn gốc hợp pháp theo nhu cầu sản xuất; không bắt buộc dự án sản xuất vật liệu xây dựng phải gắn với một mỏ cụ thể, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. - Luật hóa nguyên tắc sử dụng nguyên liệu tiết kiệm, hiệu quả, đúng cấp chất lượng; khuyến khích chế biến sâu, tận dụng khoáng sản đi kèm, đất đá thải mỏ, quặng đuôi, nguyên liệu tái chế và	Dự kiến quy phạm hóa tại Chương về nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và bảo đảm nguồn cung vật liệu xây dựng thông thường; đồng thời tại các điều về dữ liệu, quản lý nhà nước và quy định chi tiết. Nội dung quy phạm hóa chủ yếu: - Quy định nguyên tắc quản lý chuyên ngành đối với chế biến, lựa chọn và sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc hợp pháp; không quy định lại điều tra cơ bản địa chất, quy hoạch khoáng sản, thăm dò, khai thác, đầu giá và cấp quyền khai thác khoáng sản. - Quy định quyền lựa chọn, giao dịch, nhập khẩu, gia công và sử dụng nguồn nguyên liệu hợp pháp; nguyên tắc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, đúng cấp chất lượng và nâng cao giá trị gia tăng. - Quy định nguyên tắc kết nối, chia sẻ dữ liệu nguồn nguyên liệu với Cơ sở dữ liệu vật liệu xây dựng để phục vụ dự báo, cảnh báo và thị trường nguyên liệu. - Quy định cơ chế dự báo, cảnh báo và phối hợp liên ngành, liên vùng, liên tỉnh để bảo đảm nguồn cung cát, đá, vật liệu san lấp và vật liệu xây dựng thông thường khi phát sinh nguy cơ thiếu hụt; việc huy động nguồn cụ thể phải tuân thủ pháp luật về khoáng sản, môi trường, đầu tư và pháp luật có liên quan.

	nguyên liệu thay thế khi đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và môi trường. - Kết nối dữ liệu nguồn nguyên liệu với Cơ sở dữ liệu vật liệu xây dựng, gồm nguồn cung hợp pháp, cấp chất lượng, năng lực chế biến, sản lượng, nhu cầu, giá và logistics; không hình thành cơ sở dữ liệu trùng lặp. - Thiết lập cơ chế bảo đảm an ninh nguồn cung và điều phối cung - cầu vật liệu xây dựng thông thường dựa trên dữ liệu, dự báo sớm và phối hợp liên vùng, liên tỉnh; ưu tiên theo dõi nhu cầu của công trình quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm. Việc huy động, điều chỉnh nguồn cung cụ thể thực hiện theo pháp luật chuyên ngành, không phân bổ hành chính nguồn vật liệu. - Định hướng hạn chế tối đa xuất khẩu khoáng sản thô, khuyến khích chế biến sâu và bảo đảm nhu cầu trong nước; chính sách xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo pháp luật về quản lý ngoại thương và pháp luật có liên quan.	- Quy định nguyên tắc khuyến khích chế biến sâu, đa dạng hóa nguồn nguyên liệu và sử dụng nguyên liệu thay thế; chính sách xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo pháp luật về quản lý ngoại thương.
Chính sách 4: Hoàn thiện quy định về sử dụng vật liệu xây dựng trong công trình xây dựng	Giải pháp được lựa chọn: Giải pháp 3 - Hoàn thiện các quy định ở cấp Luật để kết nối quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa với yêu cầu lựa chọn, cung cấp và sử dụng vật liệu trong công trình; không quy định lại trình tự quản lý hoạt động xây dựng.	Dự kiến quy phạm hóa tại Chương về sử dụng vật liệu xây dựng trong công trình xây dựng; đồng thời liên kết với các quy định về chất lượng, dữ liệu, vật liệu mới và quy định thi hành để xử lý nội dung giao thoa với pháp luật về xây dựng. <i>Nội dung quy phạm hóa chủ yếu:</i>

	<i>Nội dung, giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn:</i> - Thiết lập nguyên tắc quản lý vật liệu xây dựng theo chuỗi và phân định rõ ranh giới giữa quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa với quản lý chất lượng công trình. - Quy định yêu cầu đối với lựa chọn, cung cấp, bảo quản và sử dụng vật liệu theo thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng và yêu cầu chất lượng; xác định trách nhiệm của các chủ thể liên quan. - Quy định nguyên tắc công nhận, sử dụng lại kết quả chứng nhận, thử nghiệm, kiểm định và dữ liệu chất lượng đã được thực hiện hợp pháp; chỉ yêu cầu kiểm tra, thử nghiệm bổ sung khi có căn cứ về kỹ thuật, an toàn, chất lượng hoặc dấu hiệu không phù hợp. - Thiết lập hành lang pháp lý cho đánh giá, sử dụng vật liệu xây dựng mới, vật liệu tái chế và vật liệu chưa có đầy đủ công cụ kỹ thuật trên cơ sở tính năng, yêu cầu thiết kế, mức độ an toàn và bằng chứng kỹ thuật; không hình thành thủ tục cấp phép sản phẩm riêng. - Thúc đẩy sử dụng nhóm vật liệu xây dựng ưu tiên trên cơ sở hiệu quả kinh tế - kỹ thuật, chi phí vòng đời, khả năng cung ứng và điều kiện thị trường; không ấn định cứng tỷ lệ cho mọi công trình.	- Quy định nguyên tắc phân định trách nhiệm quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trước lưu thông với trách nhiệm lựa chọn, bảo quản, thi công, giám sát và nghiệm thu vật liệu tại công trình. - Quy định trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu, cung ứng, chủ đầu tư, nhà thầu thiết kế, thi công, giám sát đối với hồ sơ, nguồn gốc, chất lượng và việc sử dụng vật liệu. - Quy định nguyên tắc kế thừa, công nhận và sử dụng lại kết quả đánh giá sự phù hợp, dữ liệu chất lượng; áp dụng quản lý rủi ro và hậu kiểm, tránh kiểm tra, thử nghiệm trùng lặp. - Quy định nguyên tắc đánh giá, chấp nhận vật liệu mới, vật liệu tái chế trên cơ sở tính năng và bằng chứng kỹ thuật khi tiêu chuẩn, phương pháp thử chưa đầy đủ; giao Chính phủ quy định nội dung kỹ thuật cần thiết theo từng thời kỳ. - Quy định nguyên tắc, tiêu chí và lộ trình thúc đẩy sử dụng nhóm vật liệu ưu tiên; phạm vi, nhóm công trình và trường hợp áp dụng giao Chính phủ quy định, bảo đảm chất lượng, hiệu quả đầu tư và nguồn cung.
--	--	---

Chính sách 5: Thúc đẩy thu hồi, tái chế chất thải làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và sử dụng trong công trình xây dựng; phát triển kinh tế tuần hoàn	Giải pháp được lựa chọn: Giải pháp 3 - Hoàn thiện các quy định để thể chế hóa thành Luật, xác lập chính sách chuyên ngành đối với giai đoạn nguồn vật liệu thứ cấp được đưa vào chuỗi nguyên liệu, sản phẩm và sử dụng trong công trình; không tạo quy trình quản lý chất thải song song. <i>Nội dung, giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn:</i> - Xác lập khung chính sách về thu hồi, tái sử dụng, tái chế vật liệu thu hồi trực tiếp từ phá dỡ công trình, chất thải rắn xây dựng, chất thải công nghiệp, phế thải, phụ phẩm và nguồn vật liệu thứ cấp để làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng hoặc sử dụng làm vật liệu xây dựng khi đáp ứng yêu cầu. - Làm rõ điểm chuyển tiếp từ chất thải, phế thải sang nguyên liệu, sản phẩm vật liệu xây dựng và phân biệt vật liệu thu hồi trực tiếp để tái sử dụng, tái chế với chất thải đã phát sinh; việc quản lý chất thải và chấm dứt quản lý chất thải thực hiện theo pháp luật về bảo vệ môi trường. - Quy định trách nhiệm phân loại, thu gom, lưu giữ, chuyển giao, thu hồi và tái chế chất thải rắn xây dựng; trường hợp phải lập phương án quản lý chất thải thì tích hợp vào hồ sơ, thủ tục hiện có, không hình thành thủ tục phê duyệt độc lập mới.	Dự kiến quy phạm hóa tại Chương về thu hồi, tái sử dụng, tái chế và kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực vật liệu xây dựng; đồng thời tại các điều về nguyên liệu, sản xuất, sử dụng vật liệu và dữ liệu. <i>Nội dung quy phạm hóa chủ yếu:</i> - Quy định phạm vi các dòng vật liệu thu hồi, chất thải, phế thải, phụ phẩm và vật liệu thứ cấp được đưa vào chuỗi vật liệu xây dựng khi đáp ứng pháp luật về bảo vệ môi trường và yêu cầu kỹ thuật, chất lượng. - Quy định nguyên tắc phân định vật liệu thu hồi trực tiếp với chất thải đã phát sinh và điểm chuyển tiếp sang nguyên liệu/sản phẩm vật liệu xây dựng; không quy định lại thủ tục môi trường, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải đã được pháp luật chuyên ngành điều chỉnh. - Quy định trách nhiệm đối với chất thải rắn xây dựng và nguyên tắc tích hợp phương án quản lý chất thải vào hồ sơ, thủ tục hiện có; không tạo thủ tục phê duyệt độc lập mới. - Quy định nguyên tắc sử dụng tro, xỉ, thạch cao, xỉ luyện kim, đất đá thải mỏ, quặng đuôi, vật liệu phá dỡ và các nguồn phù hợp làm nguyên liệu, nhiên liệu hoặc vật liệu xây dựng khi đáp ứng yêu cầu pháp luật. - Quy định nguyên tắc tiêu chuẩn hóa, công khai thông tin và phát triển thị trường vật liệu tái chế, vật liệu thứ cấp; cơ chế ưu đãi thực hiện theo pháp luật
---	--	---

	- Làm rõ nguyên tắc tái chế, sử dụng đất, đá, chất thải rắn và bùn thải phát sinh từ hoạt động xây dựng; đất, đá thải mỏ, quặng đuôi và các nguồn vật liệu thứ cấp phù hợp làm nguyên liệu sản xuất hoặc vật liệu sử dụng trực tiếp khi đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, thiết kế, chất lượng, an toàn và môi trường. - Khuyến khích đồng xử lý và sử dụng tro, xỉ, thạch cao, xỉ luyện kim, chất thải xây dựng và các nguồn phù hợp làm nguyên liệu, nhiên liệu hoặc vật liệu thay thế; thúc đẩy tiêu chuẩn hóa, phương pháp thử, định mức và hướng dẫn kỹ thuật. - Phát triển thị trường vật liệu xây dựng tái chế, công khai thông tin nguồn vật liệu thứ cấp và sản phẩm đầu ra; ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng, môi trường, khoa học - công nghệ thực hiện theo pháp luật chuyên ngành.	chuyên ngành.
Chính sách 6: Quản lý nhà nước, chuyển đổi số và xây dựng cơ sở dữ liệu về vật liệu xây dựng	Giải pháp được lựa chọn: Giải pháp 3 - Hoàn thiện các quy định để thể chế hóa thành Luật, tạo khung thống nhất cho quản lý nhà nước theo chuỗi vật liệu xây dựng, chuyển đổi số và Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu vật liệu xây dựng dùng chung. <i>Nội dung, giải pháp thực hiện chính sách được lựa chọn:</i> - Quy định nội dung quản lý nhà nước đặc thù theo chuỗi vật liệu xây dựng và nguyên tắc phối hợp, phân cấp, kiểm tra, giám sát; Chính phủ	Dự kiến quy phạm hóa tại Chương về quản lý nhà nước, Hệ thống thông tin và Cơ sở dữ liệu vật liệu xây dựng; đồng thời lồng ghép yêu cầu kết nối dữ liệu tại các chương về chiến lược, nguyên liệu, sản xuất, chất lượng và sử dụng vật liệu. <i>Nội dung quy phạm hóa chủ yếu:</i> - Quy định Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng; xác định nội dung quản lý chuyên ngành, nguyên tắc phân cấp, phối hợp, kiểm tra, giám sát và trách nhiệm tổ chức thực hiện.

	thống nhất quản lý, không luật hóa tên bộ, cơ quan ngang bộ hoặc nhiệm vụ chi tiết thuộc thẩm quyền phân công của Chính phủ. - Xây dựng Hệ thống thông tin và Cơ sở dữ liệu vật liệu xây dựng dùng chung, gồm dữ liệu cần thiết về năng lực sản xuất, sản lượng, nguồn nguyên liệu, chất lượng, tiêu chuẩn áp dụng, giá, cung - cầu, thị trường và nhóm vật liệu mới, xanh, tái chế. - Thiết lập nguyên tắc kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu với các cơ sở dữ liệu có liên quan; xác định nguồn dữ liệu gốc, mã định danh, kỳ cập nhật và không yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại dữ liệu cơ quan nhà nước đã có và có thể khai thác hợp pháp. - Chuyển phương thức quản lý sang dựa trên dữ liệu và rủi ro; khuyến khích ứng dụng phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo để dự báo, cảnh báo, theo dõi giá, truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng và kiểm tra có trọng tâm. - Phát triển năng lực số, nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ quản lý và phát triển ngành; tăng cường hợp tác quốc tế, tiếp nhận, chuyển giao và làm chủ công nghệ theo pháp luật có liên quan.	- Quy định Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu vật liệu xây dựng là hạ tầng dữ liệu dùng chung; xác định nhóm dữ liệu tối thiểu, nguyên tắc quản trị, cập nhật, khai thác, an toàn và bảo mật. - Quy định nguyên tắc nguồn dữ liệu gốc, mã định danh, kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu; thực hiện nguyên tắc thu thập một lần tại nguồn có thẩm quyền, không yêu cầu cung cấp lại thông tin cơ quan nhà nước đã có và có thể khai thác hợp pháp. - Quy định nguyên tắc sử dụng dữ liệu phục vụ dự báo, cảnh báo, quản lý rủi ro, hậu kiểm và truy xuất nguồn gốc; ứng dụng công nghệ số, phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo phù hợp với pháp luật về dữ liệu, an toàn thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân và bí mật kinh doanh. - Giao Chính phủ quy định chi tiết chế độ cập nhật, chia sẻ dữ liệu và trách nhiệm của các chủ thể; chuẩn hóa, số hóa chế độ báo cáo, không hình thành cơ sở dữ liệu hoặc nghĩa vụ báo cáo trùng lặp.
--	--	---

Ghi chú về tính thống nhất và kỹ thuật quy phạm hóa: Bản thuyết minh được rà soát theo Mẫu số 04 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Nghị định số 78/2025/NĐ-CP).

1. Các chính sách được quy phạm hóa theo nguyên tắc Luật quy định các vấn đề khung, nguyên tắc, quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm và nội dung thuộc thẩm quyền của Quốc hội; nội dung kỹ thuật, tiêu chí, hồ sơ, trình tự và vấn đề cần cập nhật linh hoạt được giao Chính phủ quy định chi tiết hoặc thực hiện theo pháp luật chuyên ngành.
2. Không quy phạm hóa lại thủ tục, điều kiện, thẩm quyền, ưu đãi và cơ chế quản lý đã được pháp luật về quy hoạch, đầu tư, đất đai, địa chất và khoáng sản, xây dựng, bảo vệ môi trường, tiêu chuẩn - quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, thuế, tín dụng, dữ liệu và quản lý ngoại thương quy định đầy đủ.
3. Các nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết phải xác định rõ phạm vi, nguyên tắc và vấn đề được giao; không tạo thêm điều kiện đầu tư kinh doanh, thủ tục hành chính, chế độ báo cáo hoặc cơ sở dữ liệu trùng lặp; ưu tiên kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu.
4. Nội dung quy phạm hóa nêu trên được đối chiếu, đồng bộ với 06 chính sách tại Tờ trình, Báo cáo đánh giá tác động, Báo cáo rà soát và Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật. Số điều, khoản dự kiến cụ thể tiếp tục được cập nhật theo phiên bản dự thảo Luật tại từng giai đoạn hoàn thiện hồ sơ.